

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/DS-ST
Ngày 09 - 7 - 2024
Về việc tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Mộng Chi
- Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Quyền
Bà Quách Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yên Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Trân – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đỗ Văn D**, sinh năm: 1955

Địa chỉ cư trú: **Ấp B, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau**

- Bị đơn: Bà **Lê Thị N**, sinh năm: 1966

Địa chỉ cư trú: **Ấp B, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau**

Ông **D**, bà **N** yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện và đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông **Đỗ Văn D** trình bày:*

Bà **Lê Thị N** có mở một số dây hụi ông có tham gia chơi hụi do bà **N** làm chủ, hàng tháng ông đóng tiền hụi đầy đủ nhưng bà **N** tuyên bố đình hụi không tiếp tục khai hụi và gom hụi và cũng không trả tiền hụi cho ông, ông tham gia chơi dây hụi do bà **N** làm chủ như sau: Dây hụi mở ngày 02 tháng 8 năm 2014 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng/tháng, tổng số 26 chung, ông tham gia chơi một chung, ông đã đóng hụi cho bà **N** từ ngày 02 tháng 8 năm 2014 âm lịch đến tháng 2 năm 2015 âm

lịch là 08 tháng (Vì năm 2014 âm lịch nhuận hai tháng 9) với số tiền là 4.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà **N** cũng có tham gia chơi hụi do ông làm chủ dây hụi mở ngày 06 tháng 04 năm 2013 âm lịch, loại hụi 1.000.000đ/tháng, tổng số 22 chung, bà **N** tham gia chơi một chung, bà **N** đã hốt hụi và ông đã giao tiền hụi đầy đủ nhưng bà **N** không đóng hụi chết cho bà, tính đến mãn hụi bà **N** còn nợ ông số tiền hụi chết là 3.000.000 đồng. Như vậy, bà **N** còn nợ ông trong dây hụi bà **N** làm chủ và dây hụi do ông làm chủ với tổng số tiền là 7.000.000 đồng, ông yêu cầu bà **N** trả cho ông số tiền 7.000.000 đồng.

- *Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 18/6/2024 bị đơn bà **Lê Thị N** trình bày:*

Ông **D** có tham gia hụi do bà làm chủ dây hụi mở ngày 02 tháng 8 năm 2014 âm lịch và bà có tham gia hụi do ông **D** làm chủ dây hụi mở ngày 06 tháng 4 năm 2013 âm lịch, hai dây hụi này bà còn nợ ông **D** tổng số tiền 7.000.000 đồng như ông **D** yêu cầu nên bà đồng ý trả cho ông **D** tổng số tiền 7.000.000 đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau trình bày quan điểm:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến ngày đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 16, 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phụng dưỡng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Văn D**. Buộc bà **Lê Thị N** trả cho ông **Đỗ Văn D** số tiền hụi 7.000.000 đồng; về án phí: Áp dụng các điều 12, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: ông **Đỗ Văn D** khởi kiện yêu cầu bà **Lê Thị N** trả tiền hụi. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông **D**, bà **N** yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt ông **D**, bà **N** theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Ông **Đỗ Văn D** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Lê Thị N** trả cho ông tổng số tiền hụi là 7.000.000 đồng. Xét thấy, việc ông **D** tham gia hụi mở ngày 02 tháng

8 năm 2014 âm lịch do bà N làm chủ và bà N tham gia dây hụi mở ngày ngày 06 tháng 4 năm 2013 âm lịch do ông D làm chủ là có thật được bà N thừa nhận, bà N cũng xác định số tiền hụi bà N còn nợ ông D trong hai dây hụi này là 7.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông D số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn D đối với bà Lê Thị N về việc yêu cầu trả tiền hụi là 7.000.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lê Thị N phải chịu 7.000.000 đồng x 5% = 350.000 đồng. Ông Đỗ Văn D không phải chịu án phí, ông D là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468; Điều 471 của Bộ luật dân sự; các điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phường.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn D về việc yêu cầu bà Lê Thị N trả tiền hụi.

Buộc bà Lê Thị N trả cho ông Đỗ Văn D số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lê Thị N phải chịu 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông **D**, bà **N** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng C